



Kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2017, triển vọng năm 2018 và một số hàm ý chính sách cho Việt Nam

Nguyễn Cẩm Nhung*, Vũ Thanh Hương, Nguyễn Thị Minh Phương

*Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 01 tháng 3 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 23 tháng 3 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 3 năm 2018

Tóm tắt: Bài viết đánh giá một cách tổng thể nhất về bức tranh kinh tế vĩ mô của thế giới và Việt Nam năm 2017 và dự báo triển vọng năm 2018, từ đó đưa ra một số hàm ý về giải pháp chính sách cho Việt Nam. Kinh tế thế giới năm 2017 được đánh giá là có khởi sắc và chuyển biến tích cực nhất từ năm 2011 đến nay nhờ có sự tăng trưởng vững của các nền kinh tế chủ chốt, thương mại toàn cầu đạt kết quả khả quan và điều kiện tài chính toàn cầu thuận lợi. Tuy nhiên, do đầu tư toàn cầu phục hồi chậm và chưa chắc chắn, đồng thời tồn tại nhiều yếu tố khó lường về chính sách của chính quyền Mỹ, tiến trình Anh rời Liên minh Châu Âu (EU) diễn biến khó dự đoán, cùng các rủi ro địa chính trị như căng thẳng ngày càng gia tăng đến từ bán đảo Triều Tiên nên năm 2018 sẽ tiếp tục chứng kiến những diễn biến khó lường của kinh tế toàn cầu. Trước tình hình đó, cùng với những khó khăn nội tại trong nước đòi hỏi Việt Nam cần tiếp tục có những giải pháp ứng phó linh hoạt, quyết tâm cao và hành động quyết liệt để có thể thực hiện được các mục tiêu về tăng trưởng và lạm phát như đã đề ra. Ngoài ra, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thuận lợi hóa thương mại, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tận dụng cơ hội mới để thu hút vốn đầu tư nước ngoài cho xây dựng cơ sở hạ tầng, tiếp tục đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh để đưa nền kinh tế nước ta vững bước trên con đường phát triển nhanh và bền vững.

Từ khóa: Kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam, tăng trưởng, lạm phát, tiền tệ, thương mại, đầu tư.

1. Tổng quan kinh tế thế giới năm 2017

1.1. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Kinh tế thế giới năm 2017 đã khởi sắc và chuyển biến tích cực nhất kể từ năm 2011 nhờ có sự tăng trưởng nhanh của thương mại toàn cầu và sự tăng trưởng vững của các nền kinh tế phát triển như Mỹ, các nước châu Âu, Nhật

Bản, Canada và các nền kinh tế đang phát triển như Trung Quốc, Brazil cùng sự phục hồi nhanh hơn dự kiến của Nga. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu ước đạt 3,7% năm 2017, cao hơn 0,6% so với năm 2016 và cao hơn 0,5% so với năm 2015. Đông và Nam Á vẫn là khu vực năng động nhất trên thế giới nhờ được hưởng lợi từ sự gia tăng mạnh mẽ nhu cầu trong nước và các chính sách kinh tế vĩ mô hỗ trợ.

Kinh tế Mỹ vẫn tiếp tục là điểm sáng của nền kinh tế thế giới, có sự vượt trội so với năm 2016 và được kỳ vọng tiếp đà tăng trong năm 2018.

* Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-944388568.

Email: nhungnc@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4147>

Bảng 1. Tăng trưởng GDP giai đoạn 2015-2018 (%)

	Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)				Liên Hiệp Quốc (UN)			
	2015	2016	2017	2018*	2015	2016	2017	2018*
Thế giới	3,2	3,1	3,7	3,9	2,7	2,4	3,0	3,0
Các nền kinh tế phát triển	2,1	1,7	2,3	2,3	2,2	1,6	2,2	2,0
Mỹ	2,6	1,6	2,3	2,7	2,9	1,5	2,2	2,1
Nhật Bản	0,5	1,0	1,8	1,2	1,1	1	1,7	1,2
Châu Âu	2,0	1,7	2,4	2,2	2,2	1,9	2,2	2,1
Đức	1,5	1,8	2,5	2,3	n.a	n.a	n.a	n.a
Pháp	1,3	1,2	1,8	1,9	n.a	n.a	n.a	n.a
Tây Ban Nha	3,2	3,2	3,1	2,4	n.a	n.a	n.a	n.a
Italia	0,8	0,9	1,6	1,4	n.a	n.a	n.a	n.a
Các nền kinh tế đang phát triển	4,0	4,1	4,7	4,9	3,9	3,8	4,3	4,6
Trung Quốc	6,9	6,7	6,8	6,6	6,9	6,7	6,8	6,5
Ấn Độ	7,6	6,8	6,7	7,4	7,6	7,1	6,7	7,2
Nga	-3,7	-0,2	1,8	1,7	n.a	n.a	n.a	n.a
ASEAN-5	5,0	4,9	5,3	5,3	n.a	n.a	n.a	n.a

Ghi chú: ASEAN-5 gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan, Việt Nam.

Nguồn: IMF (2017a) [1], IMF (2017b) [2], IMF (2018a) [3], UN (2018a) [4], UN (2018b) [5].

Tăng trưởng kinh tế quý I hàng năm của Mỹ thường có xu hướng khá yếu và quý 1 năm 2018 cũng không ngoại lệ với dự kiến chỉ đạt mức 1,8%. GDP đã có sự bứt phá từ quý 2/2017 đạt 2,6%, cao so với mức tăng trưởng khiêm tốn trong quý 1/2017 là 1,4%. Tiếp đà đó, GDP đạt 3,3% trong quý 3, tăng vượt mức kỳ vọng và dự báo trước đây của các tổ chức quốc tế nhờ sự tăng mạnh của hoạt động xuất khẩu. Tuy nhiên, GDP quý 4 chứng kiến sự sụt giảm mạnh còn 2,5% do sự gia tăng mạnh mẽ trong hoạt động tiêu dùng đã khiến nhập khẩu gia tăng và làm giảm lượng hàng tồn kho. Tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức 4,1% từ tháng 10/2017 đến 2/2018, thấp nhất trong 17 năm qua. Chỉ số giá tiêu dùng tăng lên tới 2,2% trong tháng 2/2018 chủ yếu do giá năng lượng tăng. Trước tình hình tỷ lệ thất nghiệp thấp ổn định và chỉ số giá tiêu dùng duy trì mức trên 2%, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã phát đi tín hiệu sẽ tăng lãi suất 3 lần trong năm 2018 nhằm đưa lãi suất

hiện tại từ 1,5% lên mức dự kiến 2,1% vào năm 2018, 2,7% năm 2019 và 2,9% năm 2020.

Kinh tế khu vực châu Âu đã có sự bứt phá khá ngoạn mục với tốc độ nhanh nhất kể từ khi diễn ra cuộc khủng hoảng nợ công đến nay. Tăng trưởng của châu Âu năm 2017 đạt 2,4% chủ yếu nhờ các nước khu vực EU đều có sự tăng trưởng và sự gia tăng từ nhu cầu tiêu dùng gia đình, đầu tư cố định và xuất khẩu. Mức tăng 2,5% GDP của Đức đã trở thành một nhân tố quan trọng cho sự tăng trưởng của châu Âu. Ngoài ra, Nga tăng trưởng nhanh hơn mong đợi, đạt 1,8%, ngay cả một số nước trì trệ trong khối như Italia cũng dần phục hồi và đạt 1,5%. Nhờ có môi trường kinh doanh thuận lợi và các biện pháp kích thích, khu vực sản xuất đã bứt phá khiến thất nghiệp ở khu vực đồng tiền chung châu Âu giảm xuống mức thấp nhất tính từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2007-2008 tới nay. Trong tháng 1/2018, số người thất nghiệp giảm 19.000 ở EU-28 (so với tháng 12/2017), đưa tỷ lệ thất nghiệp xuống

mức 7,3% so với mức 8,1% tháng 1/2017. Trong số các nước thành viên, tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất vào tháng 1/2018 được ghi nhận ở Cộng hòa Séc (2,4%), Malta (3,5%) và Đức (3,6%). Đây là tín hiệu cho thấy sự lạc quan ngày càng tăng đối với nền kinh tế châu Âu nên Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) đã quyết định thu hẹp một nửa chương trình kích thích kinh tế bằng cách mua trái phiếu so với mức đầu năm 2017. Tuy nhiên, ECB vẫn giữ nguyên mức lãi suất 0% và đưa ra dự báo về lạm phát khá thấp so với kỳ vọng bởi ngay những tháng đầu năm 2018, lạm phát của khu vực EU đã giảm xuống còn 1,3%. Trong khi kinh tế EU chuyển mình tốt như vậy thì nước Anh phải chật vật chống lại cú sốc của cuộc bỏ phiếu Brexit từ tháng 6/2016 và GDP tăng trưởng yếu trong những tháng cuối năm 2017, đầu năm 2018.

Kinh tế Nhật Bản đã phục hồi và tăng trưởng đạt mức 1,8% cả năm 2017 nhờ tăng trưởng mạnh từ quý II và III năm 2017, với sự gia tăng mạnh mẽ hơn trong thương mại quốc tế khi nhu cầu tiêu dùng bên ngoài đất nước tăng. Tiêu dùng cá nhân, yếu tố chủ chốt chiếm gần 60% GDP, tiếp tục chậm lại trong 6 tháng cuối năm do chi tiêu cho ô tô và điện thoại di động giảm. Nhu cầu tiêu dùng nội địa vẫn chỉ ở mức thấp khiến Chính phủ phải cân nhắc việc nới lỏng chính sách tài khóa. Với bối cảnh như vậy, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) dự kiến tăng trưởng chỉ ở mức 1% trong năm 2018 dù tăng trưởng xuất khẩu vẫn còn mạnh mẽ. Việc làm được dự báo đạt đỉnh vào năm 2018 do tốc độ tăng dân số trong độ tuổi lao động đã giảm. Tăng trưởng tiềm năng ở mức 1% có thể đẩy lạm phát lên 1% năm 2018 và khoảng 1,5% năm 2019 (trừ tác động của sự gia tăng thuế suất thuế tiêu thụ). Do vậy, BOJ sẽ duy trì chính sách tiền tệ mở rộng cho đến khi lạm phát mục tiêu đạt được ở mức 2%.

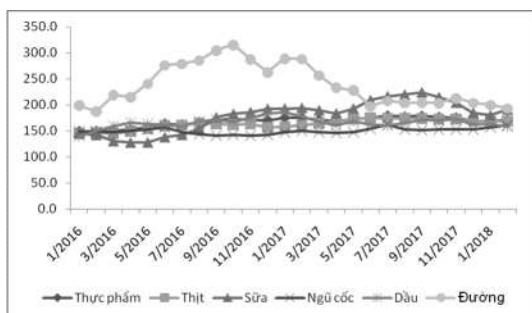
Tăng trưởng GDP của **Trung Quốc** đạt 6,8% năm 2017, vượt xa kỳ vọng ban đầu ở mức 6,5% nhờ sự phục hồi mạnh mẽ trong lĩnh vực chế tạo và công nghiệp cũng như sự gia tăng của hoạt động xuất khẩu do nhu cầu nước ngoài tăng cao. Hoạt động xây dựng bùng nổ

trong năm 2017 đã đẩy giá các loại vật liệu xây dựng tăng, giúp các ngành công nghiệp Trung Quốc vốn trì trệ trong thời gian qua đạt lợi nhuận cao nhất trong nhiều năm trở lại đây. Tuy nhiên, đối với lĩnh vực bất động sản, do Chính phủ quyết tâm kiềm chế giá nhà, nên trong thời gian tới ít có khả năng phục hồi đầu tư vào bất động sản để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế như trước đây. Bên cạnh đó, chi tiêu của các hộ gia đình cũng khó có sự đột biến trong thời gian tới nên tăng trưởng kinh tế năm 2018 dự kiến ở mức khiêm tốn hơn so với năm 2017, đạt khoảng 6,6%. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 19 của Trung Quốc quyết tâm cải cách mạnh mẽ ở một số khu vực như cải cách doanh nghiệp nhà nước và tự do hóa thị trường tài chính. Tuy nhiên, đối với lĩnh vực tài chính, Chính phủ Trung Quốc sẽ tiếp tục duy trì tính ổn định hệ thống tài chính ngân hàng bằng cách siết chặt các hình thức tài trợ vốn mạo hiểm và làm chậm quá trình tích tụ nợ nhưng không làm ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế.

1.2. Giá cả toàn cầu

Trong suốt 3 quý đầu năm 2017 chứng kiến chỉ số giá ở hầu hết các mặt hàng (trừ đường) đều tăng do đồng USD giảm giá mạnh. Đáng chú ý, cho đến tháng 9, giá sữa đã tăng cao nhất trong 3 năm trở lại đây do các nhà xuất khẩu thắt chặt nguồn cung, đi kèm với nhu cầu nhập khẩu sữa bột tăng cao từ châu Á. Bước sang quý IV năm 2017, giá cả giảm xuống đối với tất cả các mặt hàng lương thực trừ ngũ cốc. Trong tháng 10/2017, giá sữa giảm mạnh nhất trong số các mặt hàng được đo trong tháng, giảm 4,2% do các nhà nhập khẩu không mua hàng trong khi chờ đợi nguồn cung cấp mới. Giá sữa bột không béo bị đẩy xuống do nhu cầu thấp và còn tồn kho dự trữ khổng lồ. Tuy nhiên, xu hướng giảm này đã kết thúc vào tháng 1/2018 và từ tháng 2/2018 đến nay, giá cả các mặt hàng lương thực có xu hướng tăng trở lại (trừ đường). Chỉ số giá đường của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO) đã đạt mức trung bình 193 điểm trong tháng 2/2018, giảm 3,4% (7 điểm) so với tháng 1 và đạt mức thấp nhất trong vòng 2 năm. Giá đường

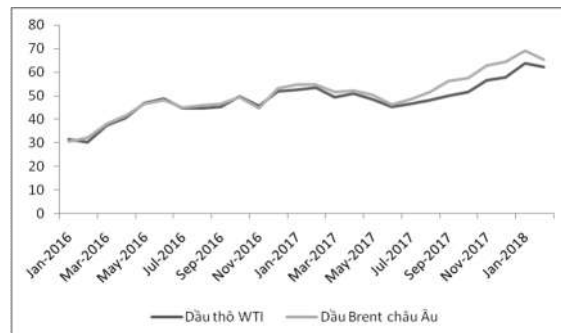
quốc tế chịu áp lực giảm do sản xuất vẫn tiếp tục mở rộng của các nhà sản xuất lớn như Thái Lan và Ấn Độ. Ngoài ra, sự giảm giá còn do khu vực EU tăng diện tích trồng trọt lớn hơn và sản lượng củ cải thu hoạch đạt mức cao trong năm 2017 và đầu năm 2018. Chỉ số giá gạo toàn cầu (2002-2004 = 100) của FAO tăng trung bình 228,7 điểm vào tháng 2/2018, tăng 2% so với tháng trước. Giá lúa mì quốc tế cũng tăng trong tháng 2, với mức giá trung bình 240 USD/tấn, tăng 5% so với tháng trước và cao hơn 14% so với tháng 2/2017. Giá lúa mì tại Mỹ và Australia tăng do lo ngại về điều kiện của vụ đông năm nay khô hạn kéo dài.



Hình 1. Giá cả hàng hóa lương thực thế giới (1/2016-2/2018) (2004 = 100).

Nguồn: FAO

Chỉ số giá năng lượng phục hồi mạnh chủ yếu do giá dầu tăng liên tục từ tháng 6/2017. Giá dầu tăng nhờ sự tăng trưởng mạnh của kinh tế toàn cầu, nhất là ở ba nền kinh tế lớn (Mỹ, châu Âu, Nhật Bản) và châu Á có nhu cầu tiêu thụ nguồn năng lượng này tăng khoảng 1,3 triệu thùng/ngày. Ngoài ra, năm 2017 chứng kiến sự mất giá của đồng USD cũng như việc FED tăng 3 lần lãi suất được cho là nguyên nhân góp phần vào việc tăng giá dầu ngoài yếu tố cung cầu trên thị trường dầu. Giá dầu Brent tăng từ mức 46,37 USD/thùng trong phiên giao dịch tháng 6/2017 lên tới 69,8,7 USD/thùng vào cuối tháng 1/2018. Vào ngày 30/11/2017, các nước không thuộc Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu lửa (OPEC) đã thỏa thuận đồng ý giảm sản lượng dầu thô trong năm 2017 và tiếp tục hạn chế sản lượng cho đến cuối năm 2018 nhằm hỗ trợ giá “vàng đen”.



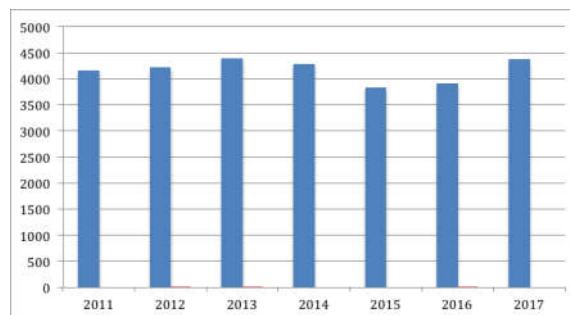
Hình 2. Giá dầu thế giới (1/2016-2/2018).

Nguồn: EIA

Bước sang tháng 2/2018 giá dầu có giảm nhẹ. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) vẫn giữ nguyên dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu ở mức 1,5 triệu thùng/ngày năm 2018 và 1,3 triệu thùng/ngày năm 2019. Do vậy, việc giảm giá trong tháng 2/2018 có thể chỉ là sự điều chỉnh giá chứ không phải là khởi đầu của xu hướng giảm trong tương lai gần.

1.3. Thương mại toàn cầu khởi sắc

Tiếp tục duy trì bước tăng trưởng vững từ đầu năm 2017, thương mại toàn cầu quý IV năm 2017 tăng trưởng mạnh mẽ so với cùng kỳ năm trước. Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn cầu quý IV năm 2017 đạt 4.368 tỷ USD, so với mức 3.828 tỷ USD quý IV năm 2015 và 3.903 tỷ USD quý IV năm 2016 (Hình 3).

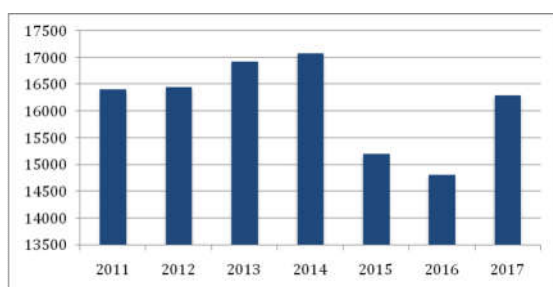


Hình 3. Kim ngạch xuất khẩu toàn cầu quý IV, giai đoạn 2011-2017 (Đơn vị: tỷ USD).

Nguồn: Tính toán của tác giả từ WTO (2017a) [6]

Cả năm 2017, xuất khẩu toàn cầu đạt 16.301 tỷ USD (Hình 4), tăng 10,01% so với năm 2016. Đây là mức tăng trưởng cao đột phá

của thương mại thế giới kể từ năm 2011 đến nay. Tuy nhiên, tổng kim ngạch thương mại thế giới năm 2017 vẫn thấp hơn so với mức của giai đoạn trước năm 2014, cho thấy thương mại quốc tế cần những bước tăng trưởng đột phá hơn nữa trong thời gian tới.



Hình 4. Kim ngạch xuất khẩu toàn giai đoạn 2011-2017 (Đơn vị: %).

Nguồn: Tính toán của tác giả từ WTO (2017a)

Xét về khía cạnh đối tác thương mại, sự gia tăng tương đối mạnh mẽ của xuất khẩu toàn cầu năm 2017 là do xuất khẩu của khu vực châu Á và châu Âu tiếp tục gia tăng mạnh mẽ. Xét về khía cạnh hàng hóa, thương mại toàn cầu cả năm được thúc đẩy chủ yếu bởi sự gia tăng trong buôn bán nông sản và máy móc thiết bị, trong khi buôn bán ô tô giảm sút. Riêng trong quý IV năm 2017, điểm đáng chú ý là buôn bán trong ngành máy móc thiết bị cơ khí, điện, điện tử giảm sút mạnh trong khi buôn bán nông sản tăng và buôn bán ô tô duy trì mức của những quý trước [7-9].

Một động lực quan trọng khác thúc đẩy thương mại toàn cầu tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2017 là sự khởi sắc của kinh tế toàn cầu. GDP toàn cầu tăng đã thúc đẩy nhu cầu nhập khẩu trên thế giới tăng mạnh, đặc biệt là thương mại nội khu vực châu Á do nhu cầu được lan truyền mạnh mẽ thông qua các chuỗi cung ứng khu vực. Giá dầu mỏ tăng so với năm 2016 cũng tạo động lực tăng đầu tư ở Mỹ, từ đó tăng nhu cầu nhập khẩu của nền kinh tế lớn nhất thế giới này. Một lý do quan trọng khác lý giải cho sự tăng trưởng thương mại toàn cầu là việc áp dụng các biện pháp hạn chế thương mại

mới có xu hướng giảm trong 3 quý đầu năm 2017. Riêng từ tháng 5 đến tháng 10/2017, các nước OECD đã áp dụng thêm 28 biện pháp tạo thuận lợi thương mại mới và 16 biện pháp hạn chế thương mại mới [8-10]...

1.4. Đầu tư toàn cầu giảm

Trong khi tình hình kinh tế thế giới, GDP và thương mại toàn cầu đều được cải thiện đáng kể thì ngược lại, đầu tư trực tiếp nước ngoài bắt ngờ giảm mạnh trong năm 2017. Theo số liệu ước tính của Liên Hiệp Quốc, tổng giá trị FDI toàn cầu giảm 16%, từ 1,82 nghìn tỷ USD năm 2016 xuống còn khoảng 1,52 nghìn tỷ USD năm 2017 [11]. Điều này trái ngược với dự đoán trước đó của UNCTAD [12] khi cho rằng FDI trên toàn thế giới sẽ tăng khoảng 10% năm 2017.

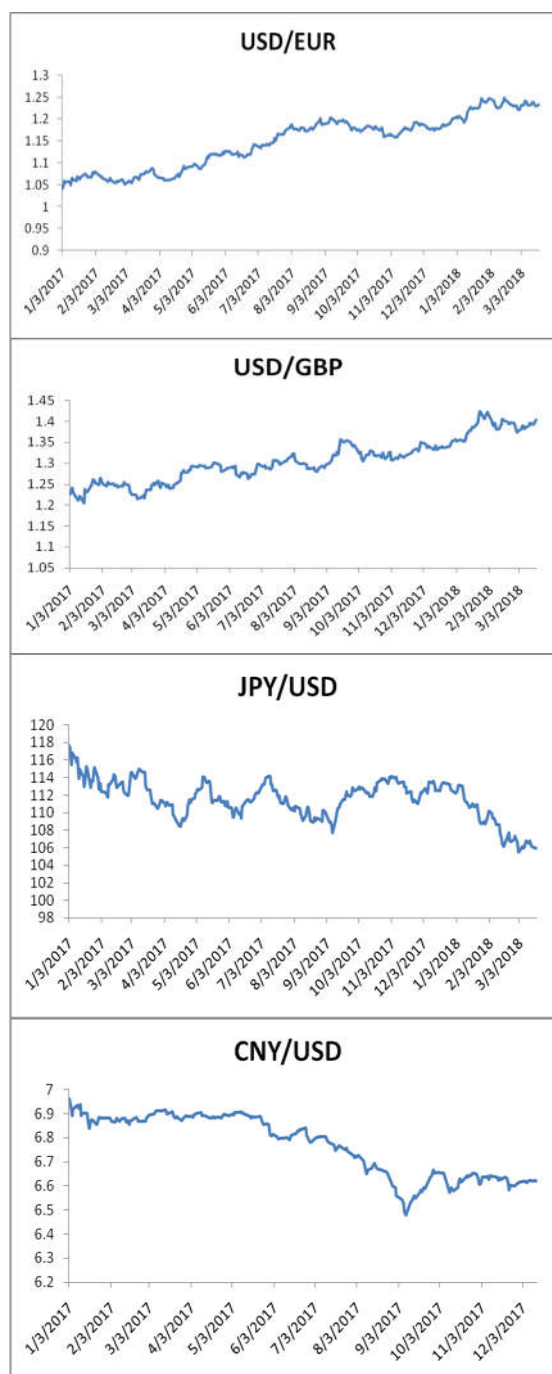
Sự sụt giảm FDI vào các nền kinh tế phát triển (giảm 27%, ước đạt 810 tỷ USD) và các nền kinh tế chuyển đổi (giảm 17%, ước đạt 55 tỷ USD) là nguyên nhân chính dẫn đến sụt giảm của FDI toàn cầu. Dòng vốn FDI vào các nền kinh tế phát triển ở khu vực Bắc Mỹ giảm 33%, trong đó giảm mạnh ở Mỹ do sự giảm sút đáng kể các khoản đầu tư trực tiếp từ các trung tâm tài chính nước ngoài vào nước này. Dòng vốn FDI vào các nước phát triển ở khu vực châu Âu cũng giảm 27%, trong đó giảm mạnh ở Anh do sự vắng mặt của các “siêu dự án” dẫn đến sự gia tăng đột biến luồng vốn FDI vào nước này trong năm 2016. Bên cạnh đó, dòng vốn FDI vào các nền kinh tế chuyển đổi cũng giảm 17% năm 2017 sau khi phục hồi một cách mạnh mẽ năm 2016. FDI vào nhóm nước đang phát triển vẫn giữ ổn định, chỉ tăng 2% so với năm 2016, ước đạt 653 tỷ USD.

Sự khác biệt trong thay đổi luồng vốn FDI ở các nhóm nước dẫn tới tỷ trọng FDI vào nhóm nước phát triển giảm xuống còn khoảng 53% FDI toàn cầu. Các nước đang phát triển ở khu vực châu Á một lần nữa trở thành khu vực nhận được nhiều FDI nhất trên thế giới, với tỷ trọng trong tổng FDI toàn cầu tăng từ 25% năm 2016 lên 30% năm 2017. Một nửa trong số 10

nước tiếp nhận đầu tư nhiều nhất là các nền kinh tế đang phát triển, trong đó có 3 đại diện đến từ châu Á là Trung Quốc, Hồng Kông và Singapore. Mặc dù FDI bị giảm mạnh, Mỹ vẫn tiếp tục là nước tiếp nhận FDI lớn nhất thế giới với 311 tỷ USD FDI thu hút được trong năm 2017. Tiếp theo là Trung Quốc với tổng giá trị FDI tăng 8%, đạt mức kỷ lục là 144 tỷ USD, mặc dù trong nửa đầu năm 2017 đã có một số công ty đa quốc gia tái cơ cấu và rút đáng kể đầu tư ở nước này.

1.5. Biến động tỷ giá phức tạp

Năm 2017, xu hướng biến động của đồng USD là mất giá so với hầu hết các đồng tiền mạnh khác do sự phục hồi mạnh của các nền kinh tế đối tác chủ chốt gồm khu vực Eurozone, Anh và Nhật Bản. Nền kinh tế khu vực Eurozone phục hồi kéo giá trị đồng Euro tăng 18,37% so với đồng USD (tính từ ngày 1/1/2017 đến hết ngày 19/3/2018). Kinh tế khởi sắc cũng kéo đồng Bảng Anh tăng giá 14,6% so với đồng USD (tính từ ngày 1/1/2017 đến hết ngày 19/3/2018). Tương tự, tăng trưởng cao hơn so với dự kiến của kinh tế Nhật Bản cũng khiến đồng Yên tăng 9,92% so với đồng USD (tính từ ngày 1/1/2017 đến hết ngày 19/3/2018). Đồng USD cũng mất giá gần 9% so với RMB (tính từ ngày 1/1/2017 đến hết ngày 19/3/2018). Như vậy, có thể thấy đồng USD mất giá liên tục từ đầu năm cho đến hết quý III. Trước tình hình lạm phát và việc làm đã đạt mục tiêu đề ra, FED dự kiến tiếp tục tăng 3 đợt lãi suất trong năm 2018. Điều này có thể hỗ trợ giúp đồng USD giảm được tốc độ mất giá hơn trong thời gian tới. Tuy nhiên, nhờ có sự mất giá của đồng USD, hoạt động xuất khẩu của Mỹ đã và sẽ tiếp tục được hỗ trợ phần nào như kết quả đạt được trong năm qua.



Hình 5. Tỷ giá hối đoái giữa USD và các đồng tiền của các nền kinh tế đối tác chủ chốt (thời gian từ 1/1/2017 đến 19/3/2018).
Nguồn: Pacific Exchange Rate Services

2. Chính sách tiền tệ và tài khóa của các nền kinh tế chủ chốt

Năm 2017 chứng kiến sự đối nghịch trong thực hiện chính sách tiền tệ và tài khóa tại các nền kinh tế chủ chốt. Mỹ đã thực hiện 3 lần nâng lãi suất vào tháng 3, 6 và 12, đồng thời thắt chặt chi tiêu công. Trung Quốc tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thận trọng để thiết lập một hệ thống kinh tế hiện đại. Trong khi châu Âu và Nhật Bản tiếp tục thực hiện chính sách siêu nới lỏng tiền tệ. Ngân hàng Trung ương Châu Âu tiếp tục chính sách lãi suất thấp và duy trì chương trình mua tài sản trị giá 60 tỷ Euro/tháng đến cuối tháng 12/2017. Nhật Bản tiếp tục thực hiện gói kích thích kinh tế khổng lồ để hỗ trợ việc duy trì đồng Yên yếu, khiến giá cả nhập khẩu tăng giúp đạt được mục tiêu lạm phát 2%, đồng thời tăng chi tiêu cho an sinh xã hội và quốc phòng. Tuy nhiên, hiện nay, mức lạm phát của nước này vẫn thấp hơn so với mục tiêu 2% đề ra nhưng cũng đã tăng lên được 0,9% trong tháng 1/2018 do giá cả năng lượng thế giới tiếp tục tăng. Năm 2018, BOJ sẽ tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ siêu nới lỏng nhằm kích thích tăng trưởng đạt 1,2% trong năm tài chính 2018, kết thúc vào tháng 3/2019¹. Trước bối cảnh đó, BOJ sẽ không thể một mình giữ cho lãi suất trên thị trường thế giới ở mức thấp nhưng cam kết tiếp tục nới lỏng sẽ phần nào hạn chế việc tăng lãi suất trên thị trường thế giới.

Theo IMF (1/2018) [3], dự thảo ngân sách tài khóa 2018 của Nhật Bản (bắt đầu từ tháng 4/2018) lên tới 97.700 tỷ Yên (tương đương 868 tỷ USD). Không kể việc trả nợ và phân bổ tiền thu thuế cho các địa phương, các khoản chi tiêu chung có thể lên tới 58.900 tỷ Yên, tăng khoảng 500 tỷ Yên. Bên cạnh khoảng 33.000 tỷ Yên chi cho an sinh xã hội, Chính phủ Nhật Bản cũng đề xuất chi 5.200 tỷ Yên (46 tỷ USD) cho quốc phòng. Nguyên nhân một phần là do dân số Nhật Bản ngày càng già đi và Chính phủ phải tăng chi tiêu cho các biện pháp an ninh đối phó với mối đe dọa tên lửa từ Triều Tiên. Đề

xuất này đánh dấu năm thứ 6 liên tiếp Nhật Bản tăng chi tiêu quốc phòng.

Chính phủ Mỹ cũng sẽ phải đối mặt với áp lực cắt giảm chi tiêu công, trong bối cảnh nợ công của nước này đã lên tới 20.000 tỷ USD, trong khi thâm hụt ngân sách tài khóa 2017 đảo hạn tại thời điểm ngày 30/9 là 666 tỷ USD, tăng 80 tỷ USD so với tài khóa 2016.

3. Kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2017

3.1. Tăng trưởng kinh tế

Năm 2017 chứng kiến kết quả ngoạn mục của nền kinh tế Việt Nam trên phương diện mục tiêu tăng trưởng khi tốc độ tăng GDP đạt 6,81%, cao hơn mục tiêu 6,7% của Chính phủ đề ra. Đây là mức tăng trưởng cao nhất tính từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2007-2008. Nửa năm đầu 2017, tốc độ tăng GDP chỉ đạt 5,15% trong quý I, thấp hơn mức tăng của cùng kỳ năm 2015 và 2016, đạt 6,28% trong quý II. Nhờ sự trỗi dậy mạnh mẽ của nền kinh tế trong nửa cuối năm với mức tăng trưởng trên 7% quý III và quý IV đã giúp kinh tế Việt Nam đạt được kỳ tích này. Điều kiện trong nước thuận lợi như lạm phát thấp, mức lương thực tế tăng giúp duy trì sức cầu trong nước và tiêu dùng tư nhân ở mức cao, cùng kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh tốt của các ngành dịch vụ, sự mở rộng sản xuất của lĩnh vực công nghiệp chế tạo và chế biến là động lực quan trọng cho tăng trưởng. Cụ thể, PMI² toàn phần lĩnh vực sản xuất của Việt Nam tăng từ 51,8 điểm trong tháng 8/2017 lên 53,3 trong tháng 9/2017. PMI tăng do nhu cầu tiêu dùng tăng mạnh kéo số lượng đơn đặt hàng mới tăng đáng kể, từ đó giúp sản lượng, việc làm và hoạt động mua hàng tăng nhanh hơn. Với đà tăng đó, các nhà sản xuất tiếp tục đón nhận sự tăng trưởng trong quý IV năm 2017. Ngoài ra, xuất khẩu tăng mạnh, cán cân thương mại thặng dư, cùng với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và kiều hối chảy mạnh vào Việt Nam đã góp phần cải thiện

¹ Japan Economic Growth, 21/11/2017, <https://www.focus-economics.com/countries/japan>

² PMI vượt mức 50, đồng nghĩa với sự mở rộng sản xuất, dưới mức 50 biểu thị sự co hẹp của ngành sản xuất.

cán cân thanh toán và tăng dự trữ ngoại hối lên gần 60 tỷ USD vào tháng 2/2018. Cùng với ổn định kinh tế vĩ mô, môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam đã được cải thiện với kết quả xếp hạng môi trường kinh doanh tăng 14 bậc, từ thứ 82 lên thứ 68/190³, năng lực cạnh tranh tăng 5 bậc⁴. Năm 2017, việc tổ chức thành công Năm APEC 2017 cũng đã góp phần quan trọng nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

3.2. Hoạt động thương mại

Cùng với bối cảnh chung của thế giới, thương mại Việt Nam năm 2017 cũng tăng đáng kể. Do sự bứt phá của xuất khẩu trong quý III, cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam trong 11 tháng của năm 2017 đã có sự “đảo chiều”, chuyển từ trạng thái thâm hụt (trong 8 tháng đầu năm) sang trạng thái thặng dư gần 3,2 tỷ USD. Tính đến hết tháng 2/2018, thương mại của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng, trong đó xuất khẩu tiếp tục bứt phá và tăng trưởng cao hơn nhập khẩu. Tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước tính đến hết tháng 2 đạt 68,51 tỷ USD, tăng 23,1% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu 2 tháng đầu năm 2018 đạt 34 tỷ USD, tăng 20,4% và kim ngạch xuất khẩu đạt 34,51 tỷ USD, tăng 25,8% so với cùng kỳ năm ngoái [13]. Cán cân thương mại của Việt Nam đạt thặng dư tuy không cao. Thương mại Việt Nam vẫn phụ thuộc nặng nề vào khu vực FDI. Khối doanh nghiệp FDI vẫn giữ vai trò là tác nhân chủ chốt thúc đẩy hoạt động thương mại của Việt Nam và tiếp tục duy trì thặng dư thương mại cao.

Khu vực FDI chiếm tới 66,82% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước trong 2 tháng đầu năm. Cụ thể, khu vực FDI chiếm 71,1% xuất khẩu và 59,6% nhập khẩu của cả nước. Mức xuất siêu của doanh nghiệp FDI là

4,3 tỷ USD. Trong khi đó, cán cân thương mại của khối doanh nghiệp nội địa tiếp tục mất cân đối với mức thâm hụt trong 2 tháng đầu năm là 4,804 tỷ USD. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của doanh nghiệp FDI đạt hơn 44,8 tỷ USD trong 2 tháng đầu năm 2017. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu trong 2 tháng đạt 24,53 tỷ USD, tăng 27,5% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch nhập khẩu đạt 20,25 tỷ USD, tăng 21% so với cùng kỳ năm trước.

3.3. Cơ cấu xuất nhập khẩu

- Cơ cấu xuất khẩu theo nhóm hàng:

Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực vẫn tập trung vào các nhóm hàng thâm dụng gia công, thâm dụng lao động kỹ năng thấp và dựa vào khai thác tài nguyên. Trong đó, 10 nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam chiếm tới 72,4% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, thể hiện mức độ đa dạng thấp của xuất khẩu Việt Nam trên thị trường thế giới. Nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất vẫn là điện thoại các loại và linh kiện, tiếp đó đến hàng dệt may, máy vi tính, giày dép, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và phụ tùng, gỗ và sản phẩm gỗ, hàng thủy sản. Trong hai tháng đầu năm 2018, có 8 nhóm hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD [13].

Nhóm hàng điện thoại, máy tính, điện tử và linh kiện có kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh, lên đến 56,6% so với cùng kỳ năm trước. Các thị trường nhập khẩu điện thoại và các loại linh kiện của Việt Nam chủ yếu là EU, Trung Quốc và Hàn Quốc. Máy vi tính, sản phẩm điện tử cũng có mức tăng cao, tăng 22,7% so với cùng kỳ năm trước. Các mặt hàng như dệt may, giày dép có mức tăng tương ứng là 17,3% và 11,2%. Hàng thủy sản tăng 18% so với cùng kỳ năm trước [13].

Nhìn vào cơ cấu xuất khẩu và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu có thể thấy các doanh nghiệp FDI chiếm ưu thế trong xuất khẩu với các mặt hàng điện thoại, máy móc thiết bị, sản phẩm điện tử. Trong nhóm doanh nghiệp FDI, chiếm ưu thế là Samsung khi đã đẩy mạnh xuất khẩu những tháng cuối năm 2017, giúp xuất khẩu của Việt Nam có bước tăng ngoạn mục.

³ Doing Business 2018 (World Bank Group); <http://www.doingbusiness.org/~media/WBG/DoingBusiness/Documents/Annual-Reports/English/DB2018-Full-Report.pdf>

⁴ WEF, 2017; <http://www3.weforum.org/docs/GCR2017-2018/05FullReport/TheGlobalCompetitivenessReport2017%E2%80%932018.pdf>

Tuy nhiên, các lĩnh vực khác mà các doanh nghiệp nội địa chiếm ưu thế như dệt may, gỗ, nông thủy sản (đặc biệt là gạo)... cũng có sự bứt phá tương đối mạnh mẽ trong hoạt động xuất khẩu với tốc độ tăng trưởng cao.

- Cơ cấu nhập khẩu theo nhóm hàng:

Tương tự, cơ cấu nhập khẩu hầu như không có sự thay đổi so với các năm trước và tập trung vào các máy móc thiết bị, linh kiện và nguyên vật liệu phục vụ cho xuất khẩu.

Hai tháng đầu năm 2018, 5 nhóm hàng nhập khẩu lớn nhất bao gồm: máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, phụ tùng khác; điện thoại các loại; vải các loại; sắt thép. Năm nhóm hàng nhập khẩu tiếp theo gồm xăng dầu; chất dẻo nguyên liệu; kim loại thường; sản phẩm từ chất dẻo và nguyên phụ liệu dệt may, da giày. Cơ cấu nhập khẩu như trên phản ánh sự yếu kém của các ngành sản xuất, đặc biệt là các ngành hỗ trợ cho xuất khẩu (như dệt may, điện tử, giày dép, chất dẻo và cao su...).

- Cơ cấu thị trường xuất nhập khẩu:

Về cơ cấu thị trường xuất khẩu, trong hai tháng đầu năm 2018, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu đạt 6,2 tỷ USD, tăng 64,8% so với cùng kỳ năm trước. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai với 6 tỷ USD, tăng 14%; tiếp đến là EU đạt 5,8 tỷ USD, tăng 15%; ASEAN đạt 3,5 tỷ USD, tăng 11,2%; Nhật Bản đạt 2,6 tỷ USD, tăng 11,1%; Hàn Quốc đạt 2,6 tỷ USD, tăng 36,4%. Như vậy, Việt Nam vẫn tập trung thương mại chủ yếu với khu vực châu Á, trong đó nổi bật là thị trường Trung Quốc, tiếp đó là thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc.

Về thị trường nhập khẩu, Việt Nam vẫn phụ thuộc lớn vào thương mại với Trung Quốc. Năm 2017 và hai tháng đầu năm 2018, Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt hơn 9,4 tỷ USD, tăng 24,4% so với cùng kỳ năm 2017. Tiếp đến là Hàn Quốc đạt 7 tỷ USD, tăng 18,7%; ASEAN đạt 4,4 tỷ USD, tăng 13,2%; Nhật Bản đạt 2,5 tỷ USD, tăng 5,7%; EU đạt 1,8 tỷ USD, tăng 5,7%; Mỹ đạt 1,4 tỷ USD, giảm 5,5%. Như vậy, có thể thấy cơ cấu thị trường xuất nhập khẩu của Việt Nam cũng

không có sự thay đổi so với các quý trước và năm trước.

Về cán cân thương mại theo thị trường, thâm hụt với Trung Quốc và Hàn Quốc vẫn lớn nhất. Trong những đối tác thương mại lớn nhất kể trên của Việt Nam, chỉ có Mỹ, EU và Nhật Bản là đối tác Việt Nam có thặng dư thương mại).

3.4. Đầu tư công

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện năm 2017 ước đạt 290,5 nghìn tỷ đồng, bằng 94,4% kế hoạch năm và 7,2% so với năm 2016. Trong hai tháng đầu năm 2018, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước đạt 29,1 nghìn tỷ đồng, bằng 8,6% kế hoạch năm và tăng 6% so với cùng kỳ năm 2017.

Kết quả thực hiện vốn đầu tư trong 10 năm gần đây cho thấy, tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP giảm từ 38,4% giai đoạn 2007-2011 xuống 31,0% giai đoạn 2012-2017, chủ yếu do giảm tỷ lệ vốn từ nguồn đầu tư công⁵. Điều này thể hiện chủ trương cắt giảm đầu tư công của Chính phủ, tăng cường thu hút nguồn vốn từ các khu vực khác cho đầu tư phát triển giúp giảm gánh nặng đầu tư từ ngân sách nhà nước và giảm nợ công, đồng thời tăng hiệu quả đầu tư phát triển xã hội.

3.5. Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Năm 2017 là một năm thành công rực rỡ đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, với tổng vốn đăng ký rất cao và vốn thực hiện đạt mức kỷ lục. Theo số liệu của Cục Đầu tư Nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 35,88 tỷ USD, tăng 44% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó có 2.591 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký là 21,27 tỷ USD, tăng 42,3% so với năm 2016; có 1.188 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư

⁵ Bao gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ và các nguồn vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch của Nhà nước.

với tổng vốn đăng ký tăng thêm xấp xỉ 8,41 tỷ USD, tăng 49,2% so với năm 2016 và 5.002 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 6,19 tỷ USD, tăng 45,1% so với năm 2016. Vốn thực hiện của các dự án đạt mức cao nhất từ trước đến nay - 17,5 tỷ USD, tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2016.

Bước sang quý I năm 2018, tính chung trong hai tháng đầu năm 2018, tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 3,34 tỷ USD, bằng 98,2% so với cùng kỳ năm 2017. Vốn FDI đã giải ngân ước đạt 1,7 tỷ USD, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2017.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục là một kênh cung cấp vốn đầu tư quan trọng song nền kinh tế Việt Nam ngày càng phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI. Nhóm đối tác đầu tư lớn nhất nhìn chung duy trì ổn định, không có sự thay đổi đột biến. Trong năm 2017, các nước và lãnh thổ đầu tư chính vào Việt Nam vẫn là các đối tác ở khu vực châu Á như Nhật Bản (chiếm 25,4%), Hàn Quốc (23,7%), Singapore (14,8%), Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Thái Lan (Cục Đầu tư Nước ngoài, 2018). Tuy nhiên, trong hai tháng đầu năm 2018, Nhật Bản không còn nằm trong 3 nước đầu tư lớn nhất vào Việt Nam. Thay vào đó là Hàn Quốc (chiếm 25,5%), Đảo Virgin của Anh (13,45%) và Singapore (chiếm 12,5%). FDI từ các đối tác bên ngoài châu Á như Mỹ, Đức, Hà Lan, Nga... có sự chuyển biến tích cực song mức độ gia tăng chưa cao và sự chuyển biến chưa thật sự rõ ràng.

Cơ cấu FDI vào Việt Nam năm 2017 và quý I năm 2018 tiếp tục chuyển biến tích cực với phần lớn các dự án FDI tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo; xây dựng, kinh doanh bất động sản, cùng với sự lên ngôi của FDI vào lĩnh vực sản xuất, phân phối điện, khí, nước. Trong năm 2017, FDI vào lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo chiếm 44,2% tổng vốn đăng ký. Năm 2017 chứng kiến sự gia tăng mạnh trong lĩnh vực sản xuất, phân phối điện, chiếm tới 23,3% tổng vốn đầu tư. Đây là lĩnh vực được các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm

vì tiêu thụ ít điện năng, đồng thời là ngành được quy hoạch phát triển mạnh từ nay đến năm 2030. Đứng thứ ba là lĩnh vực kinh doanh bất động sản, chiếm 8,5% tổng vốn đầu tư đăng ký. Hai tháng đầu năm 2018, lĩnh vực chế biến, chế tạo tiếp tục là lĩnh vực thu hút được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài, chiếm 54,6% tổng vốn đầu tư đăng ký. Tiếp theo là lĩnh vực xây dựng (chiếm 10,3%) và lĩnh vực kinh doanh bất động sản (chiếm 9,3%).

Có thể thấy, FDI vào Việt Nam đang tiếp tục trở thành điểm sáng, tạo ra nhiều đóng góp quan trọng cho phát triển sản xuất công nghiệp, xuất khẩu cũng như tăng trưởng chung của cả nền kinh tế.

3.6. Lãi suất

Mặt bằng lãi suất cho vay phù hợp trong năm 2017 đã hỗ trợ không nhỏ cho kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giúp giảm chi phí sản xuất - kinh doanh, tăng sức cạnh tranh sản phẩm và dịch vụ trên thị trường, thúc đẩy tăng trưởng chung của nền kinh tế. Kết thúc tháng 12, mặt bằng lãi suất cho vay khá ổn định, phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6-6,5%/năm đối với ngắn hạn và 9-10,5%/năm đối với trung và dài hạn. Trong quý III năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh giảm 0,5%/năm lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa đối với các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất - kinh doanh thông thường ở mức 6,8-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3-11%/năm đối với trung và dài hạn. Đối với nhóm khách hàng tốt, tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch, lãi suất cho vay các kỳ hạn ngắn từ 4-5%/năm. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước cũng điều chỉnh giảm 0,25%/năm các mức lãi suất điều hành, có văn bản chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục chủ động triển khai các biện pháp tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động để tạo điều kiện giảm lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên.

Bước sang tháng 1/2018, 4 ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước gồm

Vietcombank, Agribank, Vietinbank và BIDV đã giảm ngay 0,5%/năm lãi suất cho vay ngắn, trung, dài hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên. Tuy nhiên, các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh thông thường sẽ khó có sự kỳ vọng vào sự cắt giảm chi phí lãi vay ngân hàng năm 2018 do ngân hàng gặp khó khăn trong việc giảm lãi suất huy động trong bối cảnh các lợi tức sinh lời từ các kênh đầu tư khác như thị trường cổ phiếu và thị trường bất động sản đang khá hấp dẫn, tỷ lệ lãi cận biên của hệ thống ngân hàng duy trì ở mức dưới 3% trong các năm gần đây.

3.7. Tỷ giá hối đoái

Năm 2017, dù Mỹ đã 3 lần tăng lãi suất, tăng trưởng của quốc gia này đã khởi sắc nhưng đồng USD vẫn mất giá với hầu hết các đồng tiền chủ chốt do sự bứt phá mạnh trong tăng trưởng của các nước như Nhật Bản và khu vực Euro. Do đồng USD mất giá trên thị trường ngoại hối quốc tế nên tỷ giá VND/USD cũng giảm được nhiều áp lực. Ngoài ra, lạm phát của Việt Nam được kiểm soát tốt và đạt mức 4,2% năm 2017, lãi suất của Việt Nam cũng không có nhiều biến động nên tỷ giá VND/USD trong năm 2017 khá ổn định, dao động xung quanh mức 22.700 và VND chỉ mất giá 0,74% so với USD (tính tại thời điểm ngày 19/3/2018 so với thời điểm đầu năm). Do đồng Euro tăng giá mạnh so với đồng USD từ đầu năm đến nay nên tỷ giá VND/Euro cũng tăng mạnh khiến VND mất giá 19,24% so với Euro, khoảng 11,85% so với Yên Nhật và 10,75% so với Nhân dân tệ.

Mặc dù diễn biến đầy sắc thái khác nhau của tỷ giá hối đoái danh nghĩa giữa VND với bốn đồng tiền chủ chốt trong năm 2017 như vậy, nhưng tỷ giá bình quân liên ngân hàng lại gần như không có thay đổi so với thời điểm đầu năm. Vì vậy, năm 2017 được cho là một năm rất thành công của chính sách tỷ giá. Tuy nhiên, điều này chứng tỏ cách thức điều hành chế độ tỷ giá hối đoái trong năm 2017 đến nay thực chất vẫn đang là neo theo USD chứ chưa phải thật sự neo theo một rổ đồng tiền (8 đồng tiền) như Ngân hàng Nhà nước đã công bố. Vì vậy, đối với biến động của tỷ giá VND so với Euro, Yên Nhật và Nhân dân tệ, các nhà đầu cơ hoặc

các doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa từ khu vực châu Âu, Nhật Bản và Trung Quốc mà sử dụng đồng tiền của nước xuất khẩu để thanh toán hóa đơn mua hàng thì cần có kế hoạch phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá do VND có thể sẽ tiếp tục mất giá so với các đồng tiền này trong thời gian tới. Không những thế, các khoản nợ nước ngoài của Chính phủ và doanh nghiệp bằng các đồng tiền này cũng cần phải lưu tâm nhằm tránh rủi ro biến động tỷ giá.

3.8. Lạm phát

Việc thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, linh hoạt, phối hợp đồng bộ với chính sách tài khóa, thương mại, đầu tư và điều chỉnh được gần hết giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý đã giúp kiểm soát lạm phát hiệu quả theo mục tiêu đề ra ở mức dưới 4%. Lạm phát cơ bản tháng 12/2017 tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 1,29% so với cùng kỳ năm 2016. Trong tháng 12/2017, nhóm thuốc và dịch vụ y tế là nhóm có tốc độ tăng giá cao nhất, lên tới 2,55% (trong đó dịch vụ y tế tăng 3,30%). Lý do là vì trong tháng có 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế (tác động làm CPI chung tăng khoảng 0,13%). Giá dầu hỏa và giá điện, nước sinh hoạt được điều chỉnh tăng, cùng với nhu cầu sửa chữa nhà ở tăng cao trong những tháng cuối năm. Năm 2017 khép lại với mức lạm phát cơ bản bình quân năm tăng 1,41% so với bình quân năm 2016. Đây là mức tăng khá thấp, tiếp tục khẳng định xu hướng ổn định vững chắc của nền kinh tế. Tuy nhiên, năm 2018, lạm phát sẽ chịu áp lực chủ yếu từ việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ công (y tế, giáo dục) và giá thực phẩm. Giá dịch vụ công năm 2018 tiếp tục được điều chỉnh theo lộ trình tăng giá giai đoạn 2016-2020 nên được dự báo đóng góp vào lạm phát tổng thể tương đương năm 2017, khoảng 2-2,5 điểm %.

4. Đánh giá chung

Vượt qua những khó khăn thách thức nội tại, nền kinh tế Việt Nam đã bứt phá “ngoạn mục” trong nửa cuối năm, đưa tăng trưởng kinh

tế cả năm 2017 đạt mức vượt kỳ vọng mà Chính phủ đã đề ra. Nhờ nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, FDI vào Việt Nam năm 2017 với tổng vốn đăng ký rất cao và vốn thực hiện đạt mức kỷ lục. Thương mại cũng gia tăng đáng kể, khối lượng xuất khẩu tăng nhanh hơn khối lượng nhập khẩu giúp dũ trữ ngoại hối đạt kỷ lục 54,5 tỷ USD (ngày 12/1/2018). Tỷ giá hối đoái giữa VND so với USD ổn định, lãi suất có xu hướng giảm phù hợp với diễn biến lạm phát đã tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất - kinh doanh. Cân đối ngân sách nhà nước được cải thiện, tổng thu ngân sách nhà nước vượt dự toán 5,9%, góp phần làm giảm bội chi ngân sách nhà nước xuống còn 3,48% GDP, nợ công còn 61,2% GDP. Các kết quả đạt được đã thể hiện sự nỗ lực vượt bậc của cả hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành, đặc biệt là các Bộ, ngành, cơ quan chức năng về điều hành kinh tế vĩ mô, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước. Tuy nhiên, để đạt được mức tăng trưởng “kỳ tích” đó, Việt Nam đã phải nỗ lực khai thác xuất khẩu nguyên liệu mà chưa tập trung tăng năng suất lao động. Vì vậy, nếu không nỗ lực để tăng năng suất lao động trong thời gian tới thì tăng trưởng khó có thể bền vững, khi mà nguồn tài nguyên dần cạn kiệt.

5. Triển vọng kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2018

5.1. Kinh tế thế giới

Năm 2017 ghi nhận sự tăng trưởng của hơn 2/3 các nước trên thế giới cùng sự gia tăng mạnh mẽ của thương mại toàn cầu, kinh tế thế giới đã “bứt phá” và đạt mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2011. Tuy nhiên, những thị trường mới nổi, nhất là Trung Quốc, đang trở nên chín muồi, do đó khó có thể khôi phục được những xu hướng tăng trưởng như trước đây. Kinh tế Nhật Bản và châu Âu năm 2018 dự kiến cũng khó có đà tăng trưởng như năm 2017 nên dự kiến kinh tế thế giới năm 2018 tiếp tục duy trì như năm 2017 (IMF, 1/2018; UN, 1/2018). Tuy nhiên, khu vực châu Á sẽ tiếp tục là khu vực kinh tế năng động thu hút dòng vốn FDI phục hồi trở lại chủ yếu nhờ vào những dự

báo kinh tế tích cực và sự thay đổi chính sách ở các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia⁶. Các nước khác cũng được dự báo có thể tăng FDI do tham gia các hiệp định thương mại tự do (như Malaysia, Việt Nam) và củng cố vị trí trong các chuỗi sản xuất khu vực (như Bangladesh, Nepal và Philippines) (UNCTAD, 2017). Ngoài ra, việc ký kết Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) giữa 11 nước thành viên tại Chile vào ngày 09/3/2018 cũng được cho là một nhân tố thúc đẩy dòng vốn FDI vào khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đây cũng là những tín hiệu tích cực, những yếu tố thúc đẩy cho sự phát triển của thương mại toàn cầu.

5.2. Kinh tế Việt Nam

Dự báo dòng vốn FDI vào Việt Nam tiếp tục gia tăng, đồng thời có chuyển đổi cơ cấu đầu tư trong năm 2018. Việc ký kết một loạt các FTA thế hệ mới trong thời gian qua như EVFTA, VKFTA, CPTPP, cùng với những nỗ lực trong cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư cho giáo dục của Việt Nam được đánh giá là đòn bẩy thúc đẩy dòng vốn FDI tiếp tục chảy vào Việt Nam, đặc biệt là dòng vốn FDI từ các đối tác EU, Mỹ và Hàn Quốc. Triển vọng khả quan về việc Hiệp định Tự do Thương mại EU-Việt Nam sẽ được thông qua trong khoảng mùa hè năm 2018, cùng sự tăng cầu mạnh mẽ từ EU và Hàn Quốc - hai đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam cũng là những yếu tố thúc đẩy thương mại của Việt Nam. Tuy nhiên, giá dầu và giá các mặt hàng phi nhiên liệu thế giới có thể tiếp tục tăng nhẹ trong năm 2018, cùng chính sách tăng lãi suất của FED có thể xảy ra sẽ tạo sức ép lên tỷ giá hối đoái giữa VND/USD, gây bất lợi cho hoạt động xuất khẩu. Trước các yếu tố thuận lợi và bất lợi từ bên ngoài có sự đan xen như vậy, các yếu tố nội tại nền kinh tế từng là động lực cho tăng trưởng của những năm trước cũng đang gặp khó khăn khi có sự tiếp diễn suy giảm của ngành khai

⁶ Ví dụ, từ đầu năm 2017, Trung Quốc đã mở cửa một số lĩnh vực mới như cơ sở hạ tầng, tài chính, công nghiệp chế tạo, công nghiệp khai khoáng cho nhà đầu tư nước ngoài.

khoảng, một số cân đối lớn chưa vững chắc, nợ công cao, thu ngân sách vẫn còn gặp nhiều khó khăn nên kinh tế Việt Nam năm 2018 sẽ khó có sự khởi sắc như năm 2017.

6. Một số gợi ý chính sách cho Việt Nam

Từ những kết quả đạt được trong năm 2017, cùng với các yếu tố bên trong và bên ngoài của nền kinh tế hiện nay, Việt Nam cần tiếp tục:

Thứ nhất, thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, bảo đảm kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước ở tất cả các ngành, các cấp; quyết liệt chống thất thu, quản lý và sử dụng hiệu quả nợ công, đảm bảo an toàn nợ công và tài chính quốc gia. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế, đặc biệt là nguồn lực từ tài sản công.

Thứ hai, việc tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng đòi hỏi điều hành chính sách tiền tệ phải hết sức linh hoạt, đặc biệt là trung hòa ngoại tệ, tránh gây sức ép lạm phát; điều hành tỷ giá theo tín hiệu thị trường thay vì tiếp tục neo giữ khá chặt vào đồng USD như giai đoạn vừa qua. Do đó, điều hành kinh tế vĩ mô cần có sự phối hợp đồng bộ, linh hoạt giữa các công cụ chính sách, cả về mức độ, liều lượng và thời gian thực hiện.

Thứ ba, việc cải thiện chất lượng dòng vốn FDI trong thời gian tới phụ thuộc rất nhiều vào việc điều chỉnh chính sách FDI cũng như cải thiện môi trường kinh doanh của Chính phủ trong thời gian tới. Ngoài ra, không chỉ quan tâm đến dòng vốn FDI vào mà cũng cần quan tâm thu hút được các dự án có giá trị gia tăng cao, có tính lan tỏa, có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, có nhiều đóng góp khác cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thứ tư, hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách liên quan đến đầu tư, tạo thuận lợi thương mại, khai thác các nguồn lực nhà nước theo hướng nhất quán, hiệu quả, công khai, minh bạch, có tính dự báo, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời phải nâng cao năng suất lao động để có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực.

Thứ năm, tiếp tục thực hiện tốt công tác cải thiện cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực

chất lượng cao. Theo đó, cần huy động mọi nguồn lực để thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhanh chóng triển khai hiệu quả phương thức đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) cũng như cần triển khai việc đào tạo lao động theo nhu cầu doanh nghiệp.

Thứ sáu, tăng cường đối thoại giữa Chính phủ với nhà đầu tư cũng như giữa các nhà đầu tư với nhau nhằm hỗ trợ nhà đầu tư cũng như tăng cường sự liên kết giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Tiếp tục triển khai đối thoại chính sách với các nhà đầu tư, doanh nghiệp thông qua Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam. Triển khai tốt Sáng kiến chung Việt Nam - Nhật Bản và các mô hình hỗ trợ nhà đầu tư như đối thoại chính sách Keidanren, Japan Desk, Korea Desk, Ichi Desk...

Thứ bảy, Việt Nam cần có các phương án để đối phó với khả năng Mỹ sẽ thông qua đề xuất thuế nhập khẩu thép, nhôm; cần xây dựng các chính sách phát triển thương mại với Anh hậu Brexit và cần xác định rõ Việt Nam sẽ ở đâu trong chiến lược “Một vành đai, Một con đường” để có các chiến lược thương mại phù hợp với Trung Quốc.

Cuối cùng, trong xu hướng dịch chuyển về chất đối với các nhân tố thúc đẩy tăng trưởng bền vững gồm cải thiện năng suất lao động của lao động có kỹ năng và đẩy mạnh tiến trình số hóa, Việt Nam cần bắt nhịp với xu thế phát triển chung và mới của thế giới như cách mạng công nghiệp 4.0, phát triển xanh, phát triển bao trùm và phát triển bền vững, đảm bảo được khả năng chống chịu và thích nghi của nền kinh tế - xã hội với những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.

Tài liệu tham khảo

- [1] IMF, World Economic Outlook update, July 2017: A firming recovery, 2017a.
- [2] IMF, World Economic Outlook. October 2017. Seeking Sustainable Growth: Short-term Recovery, Long-term Challenges, 2017b.
- [3] IMF, World Economic Outlook. 22 January 2018. file:///C:/Users/MinhDQ/Downloads/0118%20(1).pdf, 2018.

- [4] UN, World Economic Situation and Prospects 2018, https://www.un.org/development/desa/dpad/wp-content/uploads/sites/45/publication/WESP2018_Full_Web-1.pdf, 2017, 2018a.
- [5] UN, World Economic Situation and Prospects 2018, 2018b.
- [6] WTO, Report to the TPRB from the Director-General on Trade-Related Developments, 2017c, Retrieved from Geneva [https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/FE_Search/FE_S_S006.aspx?Query=@Symbol=\(wt/tpr/ov/w/11\)&Language=ENGLISH&Context=FomerScriptedSearch&languageUIChanged=true](https://docs.wto.org/dol2fe/Pages/FE_Search/FE_S_S006.aspx?Query=@Symbol=(wt/tpr/ov/w/11)&Language=ENGLISH&Context=FomerScriptedSearch&languageUIChanged=true)
- [7] WTO, Monthly world trade data, 2017a, Retrieved from https://www.wto.org/english/res_e/status_e/short_term_stats_e.htm.
- [8] WTO, World Trade Outlook Indicator, 2017b, Retrieved from Geneva https://www.wto.org/english/news_e/news17_e/oi_07aug17_e.pdf
- [9] WTO, Trade growth to sustain momentum in first quarter of 2018, latest trade indicator suggests, 2018, Retrieved from Geneva https://www.wto.org/english/news_e/news17_e/wtoi_07aug17_e.pdf
- [10] WTO OMC, Report on G20 trade measures (Mid-May to Mid-October 2017), 2017, Retrieved from Geneva.
- [11] UNCTAD, Investment Trends Monitor Issue 28: Global FDI flows slipped further in 2017, New York and Geneva: United Nation, 2018.
- [12] UNCTAD, World Investment Report 2017: Investment and the Digital Economy. United Nations Publication. Geneva, 2017.
- [13] Tổng cục Hải quan, Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu của Việt nam 2 tháng đầu năm 2018, <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=1313&Category=Phân%20t%C3%ADch%20định%20kỳ&Group=Phân%20t%C3%ADch>, 2018.

The World and the Vietnamese Economy in 2017, Prospects for 2018 and Some Policy Implications for Vietnam

Nguyen Cam Nhung, Vu Thanh Huong, Nguyen Thi Minh Phuong

VNU University of Economics and Business, 144 Xuan Thuy Str., Cau Giay Dist., Hanoi, Vietnam

Abstract: This paper assesses the comprehensive macroeconomic picture of the world and Vietnam in 2017 and forecasts the outlook for 2018, and then makes some policy implications for Vietnam. The world economy in 2017 is considered to be the most prosperous since 2011, thanks to the steady growth of key economies, bounced global trade, and favorable global financial conditions. However, as slow and uncertain global investment growth as well as many unpredictable factors in the US government's policy and Brexit, and political risks from tensions on the Korean Peninsula, 2018 will continue to witness unpredictable developments in the global economy. Faced with that situation, together with internal difficulties in the country, Vietnam should have flexible solutions, high determination and act in a drastic way in order to achieve the objectives on economic growth and inflation as outlined. In addition, Vietnam should continue to promote trade facilitation activities, improvement of the business investment environment, take advantage of new opportunities to attract foreign investment capital for infrastructure construction, keep on innovating, and enhance competitiveness to bring our economy onto the path of rapid and sustainable development.

Keywords: World economy, Vietnam economy, economic growth, inflation rate, monetary, trade, investment.